

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2025/DS-PT

Ngày: 04-6-2025

V/v yêu cầu chia tài sản chung và
tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 về “Yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 625/2025/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1633/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Phùng Thị K, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Số E, ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Thân Trung Đ - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (vắng mặt)

+ Ông Võ Tấn T1 - Luật sư Văn phòng Luật sư Võ Tấn T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn Q, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Võ Văn C, sinh năm 1932;

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C:

Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Số E, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn C:

Bà Đỗ Thị T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (có mặt)

3.3. Anh Võ Minh T3, sinh năm 1987. (có mặt)

3.4. Anh Võ Văn M, sinh năm 1988. (có mặt)

3.5. Anh Võ Văn T4, sinh năm 1990. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người làm chứng do nguyên đơn tự mời:*

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị T, là nguyên đơn; anh Võ Minh T3, anh Võ Văn M, anh Võ Văn T4, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31/10/2024, biên bản hòa giải ngày 27/11/2024, nguyên đơn là bà Trần Thị Tiến trình B1:*

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 07 có nguồn gốc của Nông trường dừa Quyết Thắng cấp cho gia đình bà theo diện để ở, do bà nấu cơm trong nông trường nên mới được cấp đất, thời điểm cấp vào năm nào thì bà không nhớ nhưng lúc đó cấp cho bà, ông Q và 03 người con là anh Võ Minh T3, anh Võ Văn M, anh Võ Văn T4. Sau khi được cấp đất thì bà với ông Q mới cất nhà, trồng dừa trên đất. Tuy nhiên, sau khi bà với ông Q ly hôn thì căn nhà chung của vợ chồng bị hư hỏng hoàn toàn nên bà cùng các con đã xây dựng lại căn nhà hiện nay bằng tài sản riêng của bà và các con. Hiện phần đất này ông Q đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/11/2011 nhưng vẫn chưa lấy sổ đỏ về, do chưa có tiền nộp tiền thuế đất thổ cư. Hiện trên đất có căn nhà của bà với các con; còn dừa thì của vợ chồng bà nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 có diện tích qua đo đạc thực tế là 3.776,7m² thành 05 phần bằng nhau; bà với 03 người con nhận chung diện tích đất 3.008,6m² (vị trí số 1, 2 của họa đồ) và căn nhà trên đất (ký hiệu t); chia cho ông Q diện tích đất 768,1m² (vị trí số 3 của họa đồ) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nếu yêu cầu của bà và các con bà không được chấp nhận mà Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C thì bà yêu cầu ông C trả lại giá trị bằng tiền đối với nhà cho bà và các con bà theo giá trị Hội đồng định giá đã định.

** Tại biên bản hòa giải 27/11/2024, ông Võ Văn Q trình bày:*

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 có nguồn gốc của Nông trường dừa Quyết Thắng cấp đất ở cho cha ông là Võ Văn C chứ không phải cấp cho vợ chồng ông cùng với các con. Sau khi cấp cho ông C thì ông C mới để lại cho ông kê khai đăng ký rồi cất nhà ở, vì thời điểm kê khai đăng ký thì ông C đi làm thuê ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Lúc đầu, vợ chồng ông có cất một căn nhà cột đúc nhưng sau đó ly hôn, rồi bà T mới sửa lại căn nhà này hiện nay. Còn dừa trên đất là của ông trồng chứ không phải do bà T trồng. Hiện nay, phần đất này do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông vẫn chưa lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về do ông chưa nộp tiền thuế đất thổ cư. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của bà T và các con, ông đồng ý trả lại thửa đất này cho ông C.

** Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2024, ông Võ Văn C trình bày:*

Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như đơn yêu cầu độc lập đề ngày 18/4/2023 là yêu cầu ông Q, bà T, anh T4, anh T3, anh M phải trả lại cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế 3.776,7m² thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2024, anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M, anh Võ Minh T3 trình bày:* Các anh đều có cùng ý kiến và yêu cầu như bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tiến trình B1: Bà vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu chia thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 có diện tích qua đo đạc thực tế là 3.776,7m² thành 05 phần bằng nhau; bà với 03 người con được nhận chung diện tích đất 3.008,6m² (vị trí số 1, 2 của họa đồ) và căn nhà trên đất (ký hiệu t); chia cho ông Q diện tích đất qua đo đạc thực tế là 768,1m² (vị trí số 3 của họa đồ) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Hiện nay, ngoài phần đất đang tranh chấp thì bà không còn phần đất nào khác để ở nhưng nếu yêu cầu của bà với các con bà không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C thì bà yêu cầu ông C trả lại giá trị bằng tiền đối với nhà, dền trên đất cho bà và các con bà theo giá trị Hội đồng định giá đã định.

Ông Võ Văn Q trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày là phần đất thửa số 02, tờ bản đồ số 07 có nguồn gốc của Ban giám đốc Nông trường dền Quyết Thắng cấp hỗ trợ cho cha ông là Võ Văn C khi hợp đồng liên doanh trồng mía không còn tiếp tục nữa chứ vợ chồng ông và các con không được cấp đất như bà T trình bày. Do thời điểm kê khai đăng ký thì ông C không có ở nhà và vợ chồng ông đang ở trên đất nên ông mới kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông thừa nhận căn nhà trước kia của vợ chồng ông đã không còn, căn nhà hiện nay trên đất là của bà T cùng những người con bỏ ra xây cất nên ông không có ý kiến đối với căn nhà, dền trên đất của vợ chồng ông trồng khi còn sống chung. Nay với yêu cầu của bà T và anh T3, anh T4, anh M về việc yêu cầu chia thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 để được hưởng diện tích 3.008,6m² (vị trí số 1, 2 của họa đồ) và chia cho ông diện tích đất 768,1m² là ông không đồng ý mà ông đồng ý trả lại toàn bộ diện tích đất 3.776,7m² thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 cho ông Võ Văn C. Đối với căn nhà và dền trên đất thì ông không yêu cầu mà để lại cho ông C và bà T tự thỏa thuận giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông C vẫn giữ nguyên lời trình bày tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 18/4/2023, đơn yêu cầu độc lập bổ sung đề ngày 01/11/2024 và xin bổ sung là hiện nay ông C không còn khiếu nại đối với hợp đồng liên doanh trồng mía với Nông trường dền Quyết Thắng nữa. Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7 được Nông trường dền

Quyết Thắng cấp hỗ trợ cho ông C vì khi lấy đất của ông C lại cùng với những nông dân khác như ông C1, ông T5,... thì Nông trường đều cấp hỗ trợ mỗi hộ một muơng, một lếp đất ở phía trong đê, còn ông C chưa được cấp hỗ trợ (lúc này ông C đi làm mướn ở xa) nên khi về ông C khiếu nại mới được cấp hỗ trợ thửa đất đang tranh chấp hiện nay. Sau khi được cấp đất, ông C để lại cho ông Q, bà T cất nhà ở nhờ đến nay chứ không có cho phần đất này cho ông Q, bà T. Hiện nay, trên đất có căn nhà của bà T, dừ của bà T và ông Q nên ông C yêu cầu bà T cùng anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M, anh Võ Minh T3, ông Võ Văn Q phải trả lại cho ông C diện tích đất qua đo đạc thực tế là 3.776,7m² thửa đất số 02, tờ bản đồ số 7. Ông C đồng ý trả lại giá trị căn nhà, dừ trên đất cho bà T, anh T3, anh T4, anh M theo giá Hội đồng định giá đã định.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 197, 199, 221 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và yêu cầu độc lập của anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M, anh Võ Minh T3 về việc yêu cầu ông Võ Văn Q chia cho bà T, anh T4, anh T3, anh M diện tích đất 3008.6m² (vị trí số 1, 2 của họa đồ) thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã T (nay là xã M), huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 22/10/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Văn C.

Buộc bà Trần Thị T, ông Võ Văn Q, anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M, anh Võ Minh T3 phải trả lại cho ông C diện tích đất qua đo đạc thực tế 1913.8m² (vị trí số 2, 3 họa đồ) thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã T (nay là xã M), huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 22/10/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B kèm theo).

Buộc bà Trần Thị T, anh Võ Minh T3, anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M phải trả lại diện tích 1862.9m² (vị trí số 1 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 02,

tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông C nhưng được tính giá trị bằng tiền 931.450.000đ (chín trăm ba mươi một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre từ ông Võ Văn Q đứng tên sang cho ông Võ Văn C, bà Trần Thị T, anh T3, anh T4, anh M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích sử dụng đã tuyên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và về việc thi hành bản án.

Ngày 06/02/2025, bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại;

Ngày 06/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M, anh Võ Minh T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, công nhận phần đất tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình và chia đều cho các thành viên như nội dung yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Tấn T1 trình bày những vấn đề vi phạm của cấp sơ thẩm về tố tụng và nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T3, anh M, anh T4 giữ nguyên yêu cầu độc lập, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Q không đồng ý với kháng cáo của bà T, anh T3, anh M, anh T4, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C và người đại diện theo ủy quyền của ông C không đồng ý với kháng cáo của bà T, anh T3, anh M, anh T4, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Minh T3, anh Võ Văn M, anh Võ Văn T4, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng:

Xác định thửa đất số 02, tờ bản đồ số 07, diện tích 3008.6m² tọa lạc tại M, huyện B, tỉnh Bến Tre là tài sản chung của ông Võ Văn Q và bà Trần Thị T.

Chia tài sản chung thửa đất số 02 cho bà T và ông Q. Bà T được nhận diện tích 1.867,5m² trên đất có nhà gồm vị trí (1) diện tích 1.862,9m² và phần t1 diện tích 4,6m²; ông Q được nhận diện tích 1.908,2m² gồm vị trí 2 diện tích 1.141,1m² (trừ diện tích phần t1) và vị trí 3 diện tích 768,1m². Buộc ông Q có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch diện tích được nhận cao hơn (19,85m²) cho bà T số tiền 9.925.000 đồng (nếu có yêu cầu).

Đối với diện tích đất thổ cư còn nợ thuế chưa đóng thì người nào được chia diện tích đất có thổ cư sẽ thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước.

Án phí, chi phí tố tụng: tính lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T4, Võ Văn M, Võ Minh T3 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là thửa số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện ông C có đơn yêu cầu độc lập đề ngày 18/4/2023 nội dung yêu cầu bà T, ông Q, anh T3, anh M, anh T4 trả lại phần đất diện tích 3.709,9m² thửa số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Cùng ngày 18/4/2023, Tòa án sơ thẩm ra Thông báo số 06/TB-TLVA thụ lý yêu cầu độc lập của ông C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên (BL 121). Ngày 01/11/2024, ông C có đơn yêu cầu độc lập bổ sung nội dung yêu cầu bà T, ông Q, anh T3, anh M, anh T4 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 3.776,7m² thửa số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ngày 05/11/2024, Tòa án sơ thẩm ra Thông báo số 06/TB-TLVA thụ lý yêu cầu độc lập bổ sung của ông C (BL 200).

Ngày 25/12/2023, Tòa án sơ thẩm có công văn số 09/CV-TA ngày 25/12/2023 gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện B đề nghị Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn C đối với bà Trần Thị T, ông Võ Văn Q thửa đất số 02, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại biên bản làm việc ngày 18/10/2024, Ủy ban nhân dân xã T xác định từ ngày nhận công văn của Tòa án thì không có nhận được đơn yêu cầu giải quyết của ông C nên không có mời các đương sự tiến hành hòa giải theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày ông C có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng Ủy ban nhân dân xã T không hòa giải. Tuy nhiên, ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho vấn đề này.

Theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì “Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải”.

Theo quy định tại Điều 235 Luật Đất đai năm 2024 thì “Trước khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại Điều 236 của Luật này, các bên tranh chấp phải thực hiện hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

“2. Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện

khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.”

Như vậy, Tòa án sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập của ông C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất khi chưa qua hòa giải cơ sở là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì thời điểm đó ông C chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án sơ thẩm về tố tụng nên không đề cập đến nội dung vụ án.

Do chấp nhận kháng cáo của bà T về việc hủy Bản án sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo của anh T3, anh M, anh T4 về việc yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm.

[2] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do hủy án sơ thẩm nên bà T, anh T4, anh T3, anh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh T3, anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị T, anh Võ Minh T3, anh Võ Văn T4, anh Võ Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007297 ngày 07/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Võ Minh T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007294 ngày 07/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Võ Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007295 ngày 07/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Võ Văn T4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007296 ngày 07/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang